

PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ QUA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

*ThS. Nguyễn Kim Anh **

Tóm tắt: Trong những thập kỷ vừa qua, Việt Nam chứng kiến sự bùng nổ về kim ngạch xuất nhập khẩu trong thương mại với các quốc gia trên thế giới, đồng thời cũng phải đối mặt với những nguy cơ từ các hoạt động rửa tiền. Có một điều không thể phủ nhận rằng, các hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là dịch vụ thanh toán quốc tế là một kênh quan trọng có khả năng phát sinh hoạt động rửa tiền của tội phạm xuyên quốc gia. Vì vậy, bài viết tập trung thảo luận về các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong hoạt động thanh toán quốc tế qua các ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

Từ khóa: Rửa tiền, ngân hàng thương mại, thanh toán quốc tế.

1. Nguy cơ về rửa tiền trong các dịch vụ thanh toán quốc tế qua NHTM

Khái niệm rửa tiền được quy định rất cụ thể tại khoản 1 Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012: “Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, bao gồm: a) Hành vi được quy định trong Bộ luật Hình sự; b) Trợ giúp cho tổ chức cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có; c) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do

phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản”.

Như vậy, có thể hiểu rằng, rửa tiền là hoạt động hợp pháp hóa số tiền, tài sản kiếm được do phạm tội thông qua các giao dịch dân sự, thương mại trong nền kinh tế. Nguồn tiền này có thể đến từ những hành vi phạm tội khác nhau như tham nhũng, buôn bán ma túy, mại dâm, trốn thuế... đồng thời, rửa tiền cũng có thể xảy ra ở tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội như ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và các lĩnh vực tài chính, thương mại khác. Đặc biệt, ngân hàng là một lĩnh vực mà hoạt động của nó tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro về rửa tiền như tín dụng, hoạt động tiền

gửi, thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương. Báo cáo đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và tài trợ khủng bố của Ngân hàng Nhà nước năm 2017 cho thấy, ngân hàng là lĩnh vực có mức độ rủi ro và nguy cơ rửa tiền cao trong tất cả các lĩnh vực được đánh giá. Cũng theo báo cáo này, các giao dịch trong lĩnh vực ngân hàng chiếm gần 90% tổng số báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR) gửi đến Cục Phòng, chống rửa tiền¹. Có thể nói rằng, ngân hàng không phải là hệ thống duy nhất được các tội phạm rửa tiền lựa chọn để biến những nguồn thu bất hợp pháp thành những nguồn “tiền sạch”. Nhưng căn cứ vào thực tế và các số liệu mà Cục Phòng, chống rửa tiền đưa

* Khoa Luật, Học viện Ngân hàng

ra, thì ngân hàng, đặc biệt là dịch vụ thanh toán và chuyển tiền đang là những con đường tiềm năng để các tội phạm có thể thực hiện hành vi rửa tiền từ những nguồn lợi bất chính như tham ô tài sản, đánh bạc và trốn thuế.

Bên cạnh đó, thương mại quốc tế ở nước ta đang phát triển với những con số ấn tượng. Theo số liệu thống kê của Bộ Công thương năm 2020, tăng trưởng xuất khẩu của nước ta từ năm 2015 - 2019 đạt trung bình 12%/năm. Bước sang năm 2020, mặc dù đại dịch Covid-19 đã làm gián đoạn dòng chảy thương mại toàn cầu, nhưng kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam vẫn đạt 202,4 tỷ USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu có tốc độ tăng trung bình trong giai đoạn này là 11,2%/năm². Và ngân hàng, đặc biệt là hoạt động thanh toán quốc tế, đóng vai trò chủ đạo trong quá trình thực hiện các giao dịch thương mại quốc tế phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các dịch vụ chủ yếu được sử dụng như phương thức chuyển tiền (Remittance: TT, MT), phương thức ghi sổ (Open account: O/A), phương thức nhờ thu (Collection: D/P, D/A) và phương thức tín dụng chứng từ (L/C). Trong tất cả các hình thức thanh toán này, chứng từ là cơ sở quan trọng và chủ yếu để các NHTM tiến hành các hoạt động chuyển tiền sang nước ngoài. Chính vì vậy, bằng việc sử dụng bộ chứng từ thanh toán, các hành vi rửa tiền thông qua các kênh thanh toán quốc tế qua NHTM có thể rất đa dạng như:

- Chuyển tiền bất hợp pháp qua ngân hàng tư nhân để đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh hợp pháp

bất động sản, chứng khoán, vàng (phương thức này được áp dụng rất nhiều tại những nước phương Tây cuối những năm 1990).

- Thành lập tài khoản ngân hàng hay công ty ở những đất nước có hệ thống pháp luật lỏng lẻo hoặc những nước không có hiệp định tư pháp với đất nước thực hiện tội phạm nguồn hoặc những nước có luật pháp cấm nước ngoài can thiệp và điều tra vào tình hình tài chính kinh tế của nước đó.

- Thực hiện các giao dịch thanh toán qua tài khoản ngân hàng đột biến, tiền gửi vào và rút ra nhanh khỏi tài khoản; doanh số giao dịch lớn trong ngày nhưng số dư tài khoản rất nhỏ hoặc bằng không.

- Thực hiện các giao dịch chuyển tiền bất hợp pháp qua các tài khoản nước ngoài bằng việc sử dụng các chứng từ giả mạo, gian lận hay một bộ chứng từ sử dụng nhiều lần tại các ngân hàng khác nhau.

Như vậy, với một doanh số đang phát triển từng ngày của hoạt động thương mại quốc tế và các hình thức phạm tội tinh vi, Việt Nam đang phải đối mặt với những nguy cơ, rủi ro cao tiềm ẩn trong hoạt động rửa tiền của tội phạm thông qua dịch vụ chuyển tiền dưới hình thức thanh toán hợp đồng thương mại quốc tế.

2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực thanh toán quốc tế tại Việt Nam

Khung pháp lý

Các quy định về phòng, chống rửa tiền được các quốc gia trên thế giới phát triển từ rất sớm, vào những năm 1970, chính phủ Mỹ và các quốc gia G7 nhận thấy, hoạt động rửa tiền đã trở nên phổ biến và lợi nhuận khổng lồ của những

kẻ buôn bán ma túy đã được rửa qua các tổ chức tài chính. Chính vì vậy, những quy định đầu tiên được ban hành tập trung vào lĩnh vực nhiều nguy cơ nhất đó là ngân hàng như Luật Bảo mật ngân hàng năm 1970 của Mỹ. Và từ những năm 1990, pháp luật về phòng, chống rửa tiền trên thế giới đã được hoàn thiện và phát triển với sự có mặt của các tổ chức quốc tế bao gồm các trụ cột như: Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) về rửa tiền, các Công ước và chỉ thị của châu Âu về phòng, chống rửa tiền, Sáng kiến của Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL), Sáng kiến của Nhóm các đơn vị tình báo tài chính (Nhóm Egmont), Các nguyên tắc phòng, chống rửa tiền của Nhóm Wolfsberg, Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước Palermo), Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Khuyến nghị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD).

Với làn sóng toàn cầu hóa trong những thập kỷ gần đây, Việt Nam đã thực hiện quá trình cải cách pháp lý mạnh mẽ để đáp ứng công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, cũng dưới sức ép hoàn thiện hệ thống pháp luật trong thời gian ngắn để đảm bảo phù hợp với pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước Palermo mà Việt Nam đã trở thành thành viên từ năm 2012, thì một khối lượng lớn các văn bản pháp luật đã được ban hành trong những năm gần đây. Do đó, khung pháp lý về phòng, chống rửa tiền của Việt Nam đang là một mạng lưới các quy định khá phức tạp do nhiều cơ quan ban hành và cần nhiều các văn bản hướng dẫn để thực hiện hiệu quả. Các văn bản

pháp lý quan trọng nhất về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm: Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các văn bản hướng dẫn Luật Phòng, chống rửa tiền còn có: Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 4/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền; Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP; Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền; Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014 và Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 đã giúp cho Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá là có những bước tiến đáng kể trong công tác phòng, chống rửa tiền. Với sự nỗ lực của Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành trong việc ban hành các văn bản pháp lý có liên quan đến chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, đặc biệt là việc ban hành Luật Phòng, chống rửa tiền, tại Hội nghị toàn thể FATF tháng 02/2014, FATF đã quyết định đưa Việt Nam ra khỏi Quy trình rà soát của Nhóm xem xét các vấn đề về hợp tác quốc tế (ICRG) thuộc FATF sau gần 4 năm nằm trong Quy trình rà soát của nhóm này. Tại Hội

nghị thường niên lần thứ 20 (năm 2017), Nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đã nhất trí đưa Việt Nam ra khỏi quy trình theo dõi chuyển tiếp của APG, do Việt Nam đã thực hiện được các yêu cầu của 8/9 Khuyến nghị chủ chốt và cốt lõi của FATF.

Ngoài các quy định khung về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng, thì Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành là một cơ sở pháp lý quan trọng cho các hoạt động ngoại hối tại Việt Nam, đặc biệt là thanh toán quốc tế của các NHTM. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật quốc tế về nội dung, chứng từ trong các hình thức thanh toán cũng là một cơ sở quan trọng cho các ngân hàng thực hiện các giao dịch chuyển tiền quốc tế như:

- Công ước của Liên hiệp quốc về mua bán hàng hóa quốc tế (CISG 1980).

- Điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms).

- Quy tắc thống nhất về dịch vụ nhờ thu URC 522.

- Quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (Uniform Customs and Practice for Documentary Credit - UCP).

- Tập quán ngân hàng tiêu chuẩn quốc tế trong kiểm tra chứng từ theo L/C (International Standard Banking Practice Under Documentary Credit - ISBP).

- Bản phụ trương UCP về xuất trình chứng từ điện tử (Supplement To The Uniform Customs and Practice For Documentary Credit For Electronic Presentation - eUCP).

- Quy tắc thống nhất về hoàn trả liên hàng theo L/C (Uniform Rules For Bank - To Bank Reimbursements Under Documentary Credit - URR)....

Thực tiễn áp dụng pháp luật về phòng, chống rửa tiền tại các NHTM Việt Nam hiện nay

Nhằm thực hiện những quy định được đưa ra trong Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 và các văn bản hướng dẫn, các NHTM Việt Nam đã triển khai những biện pháp cần thiết để kiểm soát các giao dịch và khách hàng, bao gồm những hoạt động: (i) Nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng (bao gồm phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro); (ii) Báo cáo Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hoặc có dấu hiệu đáng ngờ; (iii) Thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền khi có yêu cầu từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (iv) Áp dụng các biện pháp tạm thời và xử lý vi phạm như trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản.

Những hoạt động này được quy định trong các văn bản nội bộ của các ngân hàng và đảm bảo tính phù hợp với các quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền. Riêng với lĩnh vực thanh toán quốc tế, các ngân hàng đều có những quy định riêng về chứng từ trong các giao dịch cụ thể để kiểm soát nội dung các chứng từ khi tiến hành chuyển tiền. Tính xác thực của các chứng từ mà khách hàng cung cấp được đảm bảo bởi cam kết của khách hàng với ngân hàng về tính trung thực, hợp pháp của hồ sơ, tuân thủ đúng quy định về quản lý ngoại hối và phòng, chống rửa tiền.

Theo số liệu trong dự thảo báo cáo tổng kết thi hành Luật Phòng, chống rửa tiền của Ngân hàng Nhà nước, trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, Ngân hàng Nhà nước (Cục Phòng, chống rửa tiền) nhận được tổng số 144.571.181 giao dịch gửi rút tiền mặt có giá trị

lớn và giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế được truyền file điện tử. Trong đó, các giao dịch này chủ yếu từ đối tượng báo cáo là các ngân hàng là các tổ chức đã thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin để thực hiện truyền file báo cáo điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước (Cục Phòng, chống rửa tiền) còn tiếp nhận các báo cáo gửi rút tiền mặt có giá trị lớn bằng bản giấy do đối tượng báo cáo là các tổ chức chưa thiết lập được hệ thống đường truyền để thực hiện báo cáo bằng file điện tử.

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến tháng 9/2020, Ngân hàng Nhà nước (Cục Phòng, chống rửa tiền) đã nhận được 10.246 báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR), nhiều gấp hơn 6 lần so với giai đoạn 2006 - 2012. Trong đó, số lượng báo cáo do các ngân hàng báo cáo chiếm khoảng 83% tổng STR; số lượng báo cáo do các công ty bảo hiểm và các đối tượng báo cáo khác chiếm khoảng 17%; nhóm đối tượng báo cáo là các công ty tài chính, trung gian thanh toán, công ty kinh doanh dịch vụ trò chơi có thưởng, sòng bạc có số lượng báo cáo còn rất hạn chế (chỉ 7 STR); nhóm đối tượng báo cáo trong lĩnh vực luật sư, công chứng, kế toán và kinh doanh bất động sản hiện chưa có báo cáo STR.

Cũng theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, từ năm 2013 đến tháng 9/2020, Cục Phòng, chống rửa tiền đã chuyển giao 857 vụ việc liên quan đến 5.614 STR cho các cơ quan chức năng. Cục Phòng, chống rửa tiền đã nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng liên quan đến khoảng 528 vụ việc, trong đó có 10 vụ việc đã được khởi tố vụ án, khởi tố bị can, 15 vụ việc liên quan đến thuế, hải quan

và cơ quan chức năng đã truy thu hơn 400 tỷ đồng tiền thuế cho ngân sách Nhà nước³.

3. Một số điểm bất cập trong hệ thống pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền trong thanh toán quốc tế

Mặc dù APG đánh giá cao nỗ lực và kết quả của Chính phủ Việt Nam trong phòng, chống rửa tiền, đặc biệt trong quá trình hoàn thiện khung pháp luật, tuy nhiên, các quy định hiện tại của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền trong thanh toán quốc tế còn tồn tại một số bất cập, cụ thể như sau:

Thứ nhất, với đặc thù sử dụng chứng từ cho giao dịch chuyển tiền quốc tế, nội dung và tính xác thực của bộ chứng từ thanh toán là những yếu tố vô cùng quan trọng và đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối. Điều này đặt ra yêu cầu về trình độ kiểm soát chuyên nghiệp của các nhân viên ngân hàng khi kiểm tra chứng từ và tiến hành giao dịch. Nguy cơ tiềm ẩn các hành vi gian lận, giả mạo chứng từ hoặc chuyển quá số tiền được phép giao dịch để chuyển tiền ra nước ngoài cần có sự kiểm soát và đánh giá từ phía ngân hàng thực hiện. Tuy nhiên, trong các quy định pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể để các ngân hàng căn cứ vào đó kiểm tra tính phù hợp của các chứng từ giao dịch.

Thứ hai, đặc điểm của các giao dịch thương mại quốc tế là đa dạng về hình thức thanh toán, có thể thanh toán từng phần, thanh toán trả trước toàn bộ hoặc một phần theo các hợp đồng ký hạn hoặc thanh toán với thời gian kéo dài theo hợp đồng khung ký trước. Vì vậy, việc doanh nghiệp có thể chuyển tiền ra nước ngoài nhiều lần theo cùng một hợp đồng

là rất phổ biến, dẫn đến việc sử dụng một bộ chứng từ nhiều lần cho cùng một giao dịch để chuyển số tiền nhiều hơn mức cho phép sẽ trở thành một phương thức rửa tiền của tội phạm. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam quy định trách nhiệm kiểm soát các giao dịch đáng ngờ thuộc về các tổ chức tài chính, nhưng trách nhiệm của tổ chức thực hiện giao dịch chuyển tiền trong việc quản lý số tiền mà khách hàng sử dụng dịch vụ đã chuyển trong một thời gian dài chưa được quy định cụ thể. Bên cạnh đó, các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ cơ bản trong lĩnh vực ngân hàng được quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, trong đó liên quan đến chuyển tiền thanh toán ra nước ngoài có hai dấu hiệu là: “Chuyển số tiền lớn từ tài khoản của doanh nghiệp ra nước ngoài sau khi nhận được nhiều khoản tiền nhỏ được chuyển vào bằng chuyển tiền điện tử, séc, hối phiếu”; “Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được vốn đầu tư hoặc chuyển tiền ra nước ngoài không phù hợp với hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được tiền từ nước ngoài chuyển vào tài khoản mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam”. Vậy những giao dịch chuyển tiền thanh toán ra nước ngoài để tạm ứng hợp đồng thương mại nhưng sau một thời gian dài không thực hiện hợp đồng thì có thể là giao dịch chuyển tiền đáng ngờ hay không?

Thứ ba, trong cơ chế cưỡng chế vi phạm, pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng quy định về việc trì hoãn

giao dịch tại Điều 33 Luật Phòng, chống rửa tiền, với thời gian trì hoãn tối đa 03 ngày làm việc khi nhận thấy các bên tham gia giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội. Sau đó, các ngân hàng có thể phong tỏa tài khoản khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, quy định thời gian trì hoãn tối đa 03 ngày làm việc có khả năng chưa đủ để các ngân hàng báo cáo Ngân hàng Nhà nước và để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm.

Một số bất cập nêu trên chủ yếu đến từ hệ thống pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực thanh toán quốc tế chưa thực sự đầy đủ và phù hợp với chuyên môn đặc thù của hoạt động này. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, một số cơ quan chức năng cũng như bản thân tổ chức tín dụng chưa thực sự quyết liệt trong thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền, trong khi công tác phòng, chống rửa tiền cần có sự phối hợp chặt chẽ từ nhiều cơ quan như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan hải quan... và hệ thống các NHTM. Ngoài ra, thói quen sử dụng tiền mặt tại Việt Nam tuy đã được cải thiện đáng kể trong thời gian qua, nhưng cũng ảnh hưởng tới công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng do rất khó xác định nguồn gốc những nguồn tiền mặt được sử dụng khi giao dịch.

4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền trong thanh toán quốc tế

Thứ nhất, việc xây dựng một khung pháp lý chặt chẽ và hoàn chỉnh là yêu cầu cấp thiết phải đặt ra trong nỗ lực của Việt Nam để

tham gia vào các quan hệ hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền và trước sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch thương mại quốc tế như hiện nay. Các quy định dành cho các lĩnh vực có nguy cơ rửa tiền cao như ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản cần riêng biệt và có tính đặc thù bởi mỗi loại hình có những đặc điểm hoạt động khác nhau. Trong ngành Ngân hàng, đặc biệt là trong hoạt động chuyển tiền thanh toán quốc tế, những quy định cụ thể về tiêu chuẩn hình thức và nội dung bộ chứng từ cần phải cụ thể và được đưa ra như một quy chuẩn khung mà các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ này phải đáp ứng, thể hiện trong các văn bản nội bộ của tổ chức mình. Bên cạnh đó, cần có quy định về cơ chế quản lý cho các ngân hàng khi chịu trách nhiệm chính về nội dung và thẩm định, đánh giá những chứng từ này. Các ngân hàng không chỉ là bên cung cấp dịch vụ mà còn là một chủ thể có trách nhiệm kiểm soát các hoạt động thanh toán ra nước ngoài và các dòng tiền vào Việt Nam. Ngoài ra, các quy định về việc xử lý các vi phạm của ngân hàng trong hoạt động kiểm soát chứng từ thanh toán quốc tế cũng cần được ban hành để đảm bảo sự nghiêm túc và cẩn trọng của các ngân hàng trong các giao dịch nói trên. Mặc dù Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đã quy định cụ thể mức phạt tiền đối với hành vi thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ có giá trị từ 100.000 đôla Mỹ trở lên (hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương) không đúng quy định của pháp luật, nhưng mức phạt mới chỉ dừng lại ở mức 80.000.000 đồng đến 100.000.000

đồng và hình phạt bổ sung là tịch thu số ngoại tệ vi phạm. Theo tác giả, cần có những hình thức xử phạt nghiêm khắc hơn như tăng mức phạt tiền và thêm các hình phạt bổ sung như đình chỉ có thời hạn hoạt động ngoại hối. Bên cạnh đó, việc quy định cụ thể các dấu hiệu của giao dịch đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng cũng là một biện pháp quan trọng để có thể sớm phát hiện những nguy cơ rửa tiền qua cổng thanh toán của NHTM. Những giao dịch có thời gian thực hiện dài, số tiền thực hiện lớn và những giao dịch trong hợp đồng thanh toán trả trước, hợp đồng đặt cọc cũng cần xem xét để liệt kê trong các dấu hiệu thuộc giao dịch đáng ngờ.

Thứ hai, cần tăng thêm thời gian trì hoãn giao dịch cho các NHTM khi nhận thấy các bên tham gia giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội, có thể quy định thời gian trì hoãn tối đa là 05 đến 07 ngày làm việc để ngân hàng và các cơ quan có thẩm quyền có thời gian báo cáo, xem xét, đánh giá, điều tra và ra biện pháp xử lý nếu có vi phạm. Bên cạnh đó, giao dịch chuyển tiền nước ngoài là giao dịch cần có sự phối hợp của các cơ quan như hải quan hay cơ quan thuế để kiểm soát về hàng hóa và tài chính giữa các bên. Do đó, sự thống nhất quản lý và kiểm soát hồ sơ, số liệu của Cục Phòng, chống rửa tiền với các cơ quan này trong các giao dịch thương mại quốc tế là vô cùng cần thiết.

Thứ ba, để có thể theo dõi thường xuyên và phát hiện những nguy cơ giao dịch đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng, cũng như điều tra, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm, các cơ quan chuyên

trách trong lĩnh vực này như Bộ Công an, Viện Kiểm sát và Ngân hàng Nhà nước cần có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình công tác. Cục Phòng, chống rửa tiền cần có thẩm quyền như một cơ quan chuyên trách để giám sát hoạt động tài chính của các NHTM, đảm bảo cho các hoạt động tài chính được thực hiện một cách an toàn, đảm bảo áp dụng các quy định về phòng, chống rửa tiền và có thẩm quyền điều tra các vụ việc với sự phối hợp của Bộ Công an và Viện Kiểm sát. Cục Phòng, chống rửa tiền cũng sẽ trở thành trung tâm giám sát những giao dịch đáng ngờ của hệ thống các tổ chức tài chính nói chung và NHTM nói riêng.

Thứ tư, với hoạt động chuyển tiền liên kết giữa các ngân hàng toàn cầu, hệ thống chuyển tiền SWIFT là một trong những kênh quan trọng để liên kết các ngân hàng thương mại trên toàn cầu và đảm bảo các giao dịch chuyển tiền qua hệ thống đều đến và đi từ những ngân hàng uy tín là thành viên thuộc hệ thống này. Chính vì vậy, đây cũng chính là một phương thức đầu tiên để kiểm soát thông tin về các chủ thể tham gia giao dịch giữa các ngân hàng trên thế giới và cũng là nguồn dữ liệu quan trọng để các quốc gia kiểm soát các giao dịch xuyên biên giới. Tương tự như vậy, thiết nghĩ, nếu như có một hệ thống thống nhất giữa tất cả các ngân hàng trong nước về giao dịch chuyển tiền quốc tế, thì các ngân hàng khi thực hiện giao dịch có thể kiểm tra được tính xác thực của bộ chứng từ giao dịch, và đảm bảo rằng, mỗi bộ chứng từ chỉ được sử dụng 1 lần để chuyển tiền tại một ngân hàng và các giao dịch không vượt quá số tiền được phép chuyển thực tế trong hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

Không chỉ có vậy, hoạt động thanh toán quốc tế có sử dụng các chứng từ giao dịch liên quan rất nhiều tới các cơ quan khác nhau đặc biệt là cơ quan thuế và hải quan. Vì vậy, một hệ thống thông tin thống nhất về thông tin khách hàng, chứng từ thuế và tờ khai hải quan để các NHTM khi thực hiện thanh toán quốc tế có thể kiểm tra, so sánh, đối chiếu chứng từ là vô cùng cần thiết. Để thực hiện được điều đó, cần có sự thống nhất giữa các quy định của pháp luật về hoạt động và quản lý thông tin giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức thực hiện giao dịch thanh toán quốc tế, để các tổ chức này có thể tiếp cận với nguồn thông tin chính xác phục vụ cho các hoạt động giao dịch và đảm bảo những giao dịch này được kiểm soát ngay từ khi mới phát sinh.

5. Kết luận

Sự tồn tại của những kẽ hở pháp lý trong hoạt động thanh toán

quốc tế chính là những cơ hội cho tội phạm rửa tiền lợi dụng để thực hiện hành vi bất hợp pháp của mình và cũng sẽ khiến cho Việt Nam phải đối mặt với khó khăn, thách thức trong công tác phòng, chống rửa tiền hiện nay. Vì vậy, hoàn thiện những quy định pháp luật cụ thể, cũng như xây dựng một hệ thống cơ quan chuyên trách quản lý và thực hiện công tác về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng có ý nghĩa như việc xây dựng một hệ thống bảo vệ quốc gia về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tài chính nói chung và hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng. Và để đạt được hiệu quả cũng cần có sự chung tay và trách nhiệm của các NHTM - những người bảo vệ tuyến đầu của hệ thống. ■

1. Báo cáo tóm tắt đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và tài trợ khủng bố, năm 2017.

2. Bộ Công thương, năm 2020.

3. Dự thảo báo cáo tổng kết thi hành Luật Phòng, chống rửa tiền của Ngân hàng Nhà nước (dự thảo ngày 14/01/2021).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Agarwal, J.D. and Aman Agarwal, *International Money Laundering in the Banking Sector, Asia Pacific Banker's Congress 2004 in Manila, Philippines*.

2. Anwar Jamal Kidwai, *Money Laundering and the Role of Banks, Pakistan Horizon, Volume 59, No.2, 2006, 43-47*.

3. Bộ Công thương Việt Nam, *Kết quả xuất nhập khẩu trong thời gian qua và công tác điều hành xuất nhập khẩu của Bộ Công thương*, http://www.moit.gov.vn/CmsView-EcolPortlet/html/print_cms.jsp?articleId=20696, truy cập ngày 7/4/2021.

4. Chính phủ, *Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền*.

5. Chính phủ, *Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng*.

6. Lưu Thủy Mai, *Rửa tiền và hoạt động thanh toán quốc tế, Kỳ yếu hội thảo Pháp luật về phòng, chống rửa tiền trên thế giới và ở Việt Nam, 2020*.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Dự thảo báo cáo tổng kết thi hành Luật phòng, chống rửa tiền 2021*, <https://www.sbv.gov.vn>, truy cập ngày 8/4/2021.

8. Nguyễn Thị Loan, *Phòng chống rửa tiền qua hệ thống ngân hàng Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học, Đại học Mở TP.HCM*, số 11(2), 2016.

9. PGS., TS. Lê Thị Thu Thủy, *Pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán, Kỳ yếu Hội thảo Pháp luật về phòng, chống rửa tiền trên thế giới và ở Việt Nam, 2020*.

10. Quốc hội, *Luật Phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13, ban hành ngày 18/6/2012*.

11. TS. Phan Thị Hồng Hải, PGS., TS. Đặng Thị Nhân, *Gian lận và giả mạo chứng từ trong hoạt động thanh toán và tài trợ thương mại quốc tế tại các NHTM, Tạp chí Ngân hàng*, số 5, 2017.

12. ThS. Nguyễn Ngọc Minh, *Quá trình ban hành và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền của liên bang Nga và một số gợi ý cho Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Luật pháp*, số 8, số 216, 2012.

13. Việt Nam, *Báo cáo tóm tắt đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và tài trợ khủng bố, 2017*.